



DANH MỤC CHỈ TIÊU XÉT NGHIỆM ĐƯỢC CÔNG NHẬN

LIST OF ACCREDITED MEDICAL TESTS

(Kèm theo quyết định số/ Attachment with decision: **1675** /QĐ – VPCNCLQG
ngày **20** tháng 06 năm 2025 của giám đốc Văn phòng Công nhận Chất lượng quốc gia/
of BoA Director)

Tên phòng xét nghiệm: **Khoa Miễn dịch**
Medical Laboratory: Immunology Department
Cơ quan chủ quản: **Bệnh viện Trung ương Quân đội 108**
Organization: 108 Military Central Hospital
Lĩnh vực xét nghiệm: **Hoá sinh, Vi sinh**
Field of medical testing: Biochemistry, Microbiology
Người phụ trách/
Representative: **Nguyễn Thị Tuấn**

Số hiệu/ Code: **VILAS Med 090**

Hiệu lực/ Validation: Từ ngày **20** /06/2025 đến ngày 28/11/2029

Địa chỉ/ Address: số 01 Trần Hưng Đạo, phường Bạch Đằng, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội/ No. 01 Tran Hung
Dao Street, Bach Dang Ward, Hai Ba Trung District, Ha Noi City

Địa điểm/Location: tầng 4, Tòa nhà trung tâm, Bệnh viện trung ương quân đội 108, số 01 Trần Hưng Đạo,
phường Bạch Đằng, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội/ 4 floor, Center tower, 108 Military Central Hospital, No.
01 Tran Hung Dao Street, Bach Dang Ward, Hai Ba Trung District, Ha Noi City

Điện thoại/ Tel: **069572503**

Email: **khoamiendich.bv108@gmail.com**

Website: **www.benhvien 108.vn**



DANH MỤC CHỈ TIÊU XÉT NGHIỆM ĐƯỢC CÔNG NHẬN
LIST OF ACCREDITED MEDICAL TESTS
VILAS Med 090

Lĩnh vực xét nghiệm: Hoá sinh
Discipline of medical testing: Biochemistry

STT No.	Loại mẫu (chất chống đông-nếu có) <i>Type of sample (anticoagulant-if any)</i>	Tên các chỉ tiêu xét nghiệm <i>(The name of medical tests)</i>	Nguyên lý/ Kỹ thuật xét nghiệm <i>(Principle/ Technical test)</i>	Phương pháp xét nghiệm <i>(Test method)</i>
1.	Huyết thanh <i>Serum</i>	Xác định lượng PSA <i>Quantitative of Prostate Specific Antigen – PSA</i>	Vi hạt hóa phát quang <i>Chemiluminescent microparticle immunoassay</i>	QTKT.03.MD (2020) (Architect i2000SR)
2.	Huyết tương <i>Plasma (EDTA)</i>	Xác định lượng CEA <i>Quantitative of Carcino Embryonic Antigen –CEA</i>		QTKT.02.MD (2020) (Architect i2000SR)
3.		Xác định lượng AFP <i>Quantitative of Alpha Fetoprotein – AFP</i>		QTKT.01.MD (2020) (Architect i2000SR)

Lĩnh vực xét nghiệm: Vi sinh
Discipline of medical testing: Microbiology

STT No.	Loại mẫu (chất chống đông-nếu có) <i>Type of sample (anticoagulant-if any)</i>	Tên các chỉ tiêu xét nghiệm <i>(The name of medical tests)</i>	Nguyên lý/ Kỹ thuật xét nghiệm <i>(Principle/ Technical test)</i>	Phương pháp xét nghiệm <i>(Test method)</i>
1.	Huyết tương <i>Plasma (EDTA)</i>	Xét nghiệm định tính HBsAg <i>Qualitative of Hepatitis B Sur face Antigen –HBsAg</i>	Vi hạt hóa phát quang <i>Chemiluminescent microparticle immunoassay</i>	QTKT.13.MD (2020) (Architect i2000SR)
2.		Xét nghiệm định tính Anti-HCV <i>Qualitative of Antibodies to Hepatitis C virus</i>		QTKT.15.MD (2024) (Architect i2000SR)

Ghi chú/ Note:

- QTKT-...-MD: Phương pháp nội bộ của PXN/ *Method of Laboratory Developed*
- Trường hợp Khoa miễn dịch cung cấp dịch vụ xét nghiệm phải đăng ký hoạt động và được cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động theo quy định của pháp luật trước khi cung cấp dịch vụ này/ *It is mandatory for the Immunology Department that provides the medical testing services must register their activities and be granted a certificate of registration according to the law before providing the service.*